

Số: *137* /TB-HĐT

Hà Nội, ngày *25* tháng 02 năm 2019

THÔNG BÁO

Danh sách thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện dự thi và tài liệu ôn tập thi tuyển công chức về các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hội đồng thi tuyển công chức Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2018 (sau đây gọi tắt là Hội đồng thi tuyển công chức) thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi, danh mục tài liệu ôn tập và thời gian, địa điểm thi tuyển công chức về các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2018 như sau:

1. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển công chức: 111 người (danh sách kèm theo).

2. Danh sách thí sinh không đủ điều kiện dự thi tuyển công chức: 04 người (danh sách kèm theo).

3. Danh mục tài liệu ôn tập thi công chức (danh mục tài liệu kèm theo).

4. Lịch thi tuyển:

a) Thời gian: Từ ngày 21 - 23/3/2019.

- Lễ Khai mạc kỳ thi: 14h00 Thứ Năm, ngày 21/3/2019.

- Môn kiến thức chung (thi viết thời gian 180 phút đối với vị trí dự tuyển ngạch chuyên viên và tương đương; 120 phút đối với vị trí dự tuyển ngạch cán sự): 7h30 Thứ Sáu, ngày 22/3/2019.

- Môn nghiệp vụ chuyên ngành (thi viết thời gian 180 phút đối với vị trí dự tuyển ngạch chuyên viên và tương đương; 120 phút đối với vị trí dự tuyển ngạch cán sự): 13h00 Thứ Sáu, ngày 22/3/2019.

- Môn nghiệp vụ chuyên ngành (thi trắc nghiệm thời gian 45 phút đối với vị trí dự tuyển ngạch chuyên viên và tương đương; 30 phút đối với vị trí dự tuyển ngạch cán sự): 7h30 Thứ Bảy, ngày 23/3/2019.

- Môn ngoại ngữ tiếng Anh (thi viết thời gian 90 phút đối với vị trí dự tuyển ngạch chuyên viên và tương đương; 60 phút đối với vị trí dự tuyển ngạch cán sự): 9h30 Thứ Bảy, ngày 23/3/2019.

- Môn Tin học văn phòng (thi thực hành trên máy thời gian 45 phút đối với vị trí dự tuyển ngạch chuyên viên và tương đương; 30 phút đối với vị trí dự tuyển ngạch cán sự): 14h00 Thứ Bảy, ngày 23/3/2019.

b) Địa điểm: Trường Đại học Hà Nội, Km 9, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Hội đồng thi tuyển công chức sẽ thông báo triệu tập tới các thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển công chức về các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2018. Trường hợp thông tin dự tuyển của thí sinh bị sai lệch, đề nghị thí sinh liên hệ trực tiếp qua số điện thoại 04-38695144 hoặc email lmduc@moet.gov.vn để đính chính thông tin và đối chiếu tại buổi Lễ khai mạc kỳ thi.

Thông báo này được niêm yết công khai tại Bộ Giáo dục và Đào tạo và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hội đồng thi tuyển công chức trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Các thí sinh đăng ký dự tuyển;
- Lưu: VT, HĐTD.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Văn Phúc
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TUYỂN CÔNG CHỨC VỀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ban hành kèm theo Thông báo số **137** /TB-HĐT ngày **25** /02/2019 của Hội đồng thi tuyển công chức Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	TT theo ĐV	Họ và tên	Ngày sinh		Trình độ			Ưu tiên	Ngạch công chức dự tuyển	Miễn thi	
			Nam	Nữ	Chuyên môn	Tin học	Tiếng Anh			Tin học	Tiếng Anh
1	VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC: Vị trí Đảm bảo chất lượng giáo dục trung học										
1	1.1	Lương Thế Anh	06/08/1977		Tiến sỹ	Chứng chỉ	Đại học		Chuyên viên		X
2	1.2	Đỗ Văn Đà	18/06/1978		Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Con thương binh	Chuyên viên		
3	1.3	Đặng Minh Đức	09/12/1984		Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ		Chuyên viên		
4	1.4	Nguyễn Thị Huyền		07/10/1989	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ		Chuyên viên		
5	1.5	Nguyễn Thị Hương		16/08/1972	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ		Chuyên viên		
6	1.6	Nguyễn Thành Long	29/10/1988		Thạc sỹ	Thạc sỹ	Chứng chỉ		Chuyên viên	X	
7	1.7	Hoàng Anh Ngọc	06/10/1980		Đại học	Đại học	Chứng chỉ		Chuyên viên	X	
8	1.8	Phạm Hồng Nhung		06/10/1988	Đại học	Chứng chỉ	Đại học		Chuyên viên		X
9	1.9	Hoàng Hồng Vân		15/02/1991	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ		Chuyên viên		
2	VỤ GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ VÀ CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN: Vị trí Giáo dục chính trị, tư tưởng										
10	2.1	Trần Thị Vân Anh		26/11/1991	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ		Chuyên viên		
11	2.2	Phạm Thị Hải Châu		31/07/1979	Tiến sỹ	Chứng chỉ	Đại học		Chuyên viên		X
12	2.3	Nguyễn Văn Dương	19/01/1984		Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ		Chuyên viên		
13	2.4	Nguyễn Hải Đăng	08/09/1993		Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ		Chuyên viên		
14	2.5	Tạ Hoàng Hải	06/07/1993		Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ		Chuyên viên		
15	2.6	Trần Thị Hằng		01/12/1990	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ		Chuyên viên		
16	2.7	Nguyễn Anh Hoàn	05/08/1980		Thạc sỹ	Chứng chỉ	Đại học		Chuyên viên		X
17	2.8	Phạm Văn Hoàng	10/10/1979		Tiến sỹ	Chứng chỉ	Đại học		Chuyên viên		X
18	2.9	Cao Đức Huy	21/04/1976		Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ		Chuyên viên		
19	2.10	Nguyễn Thị Hương		02/06/1985	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ		Chuyên viên		
20	2.11	Trương Thị Xuân Hương		12/07/1985	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ		Chuyên viên		
21	2.12	Phạm Thị Kiên		29/07/1986	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Con thương binh	Chuyên viên		

Handwritten mark

TT	TT theo ĐV	Họ và tên	Ngày sinh		Trình độ			Ngạch công chức dự tuyển	Ưu tiên	Miễn thi	
			Nam	Nữ	Chuyên môn	Tin học	Tiếng Anh			Tin học	Tiếng Anh
22	2.13	Đông Quang Thái	23/07/1975		Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chuyên viên				
23	2.14	Đỗ Thị Thu Thảo		21/12/1996	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên				
24	2.15	Đỗ Công Tiến	04/06/1987		Thạc sỹ	Trung cấp	Chuyên viên	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự		X	X
25	2.16	Nguyễn Văn Tuấn	12/09/1993		Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chuyên viên				
3 VỤ GIÁO DỤC THỂ CHẤT:											
a) Vị trí: Quản lý công tác giáo dục thể chất											
26	3.1	Trần Mĩ Độ	19/03/1983		Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên				
27	3.2	Vũ Văn Tuyên	26/10/1989		Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chuyên viên				
b) Vị trí: Quản lý công tác y tế trường học											
28	3.5	Nguyễn Mạnh Cường	19/03/1983		Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên				
29	3.6	Trịnh Thị Hồng Hạnh		09/08/1989	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên				
30	3.7	Nguyễn Thị Thu Hằng		06/08/1982	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên				
4 VỤ PHÁP CHẾ:											
a) Vị trí: Pháp chế ngành giáo dục											
31	4.1	Đỗ Thị Lan Chi		02/08/1984	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên				
32	4.2	Đỗ Lâm Oanh		03/02/1996	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên				
b) Vị trí: Xây dựng pháp luật trong lĩnh vực giáo dục											
33	4.3	Nguyễn Trường Giang	24/04/1984		Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên				
34	4.4	Cao Thị Thanh Mai		02/09/1989	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên				
c) Vị trí: Kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật											
35	4.5	Hoàng Lan Dung		08/03/1995	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên				
36	4.6	Nguyễn Thị Nhung		12/08/1990	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên				
5 VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ: Vị trí Quản lý công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, đánh giá nhân sự											
37	5.1	Nguyễn Thị Minh Nga		15/03/1988	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên			X	X
38	5.2	Lê Thị Diễm Phương		10/09/1978	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chuyên viên				X
39	5.3	Trịnh Hồng Thái	12/02/1992		Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chuyên viên	Học ở nước ngoài			X
40	5.4	Phùng Thị Trung		03/09/1978	Tiến sỹ	Chứng chỉ	Chuyên viên				

TT	TT theo ĐV	Họ và tên	Ngày sinh		Trình độ	Ngạch công chức dự tuyển	Ưu tiên	Miễn thi	
			Nam	Nữ				Tin học	Tiếng Anh
6		VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH:							
a)		Vị trí: Xây dựng, hướng dẫn, đơn đốc, kiểm tra, đánh giá thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo							
41	6.1	Đỗ Anh Đức	15/10/1983		Tiến sỹ	Chứng chỉ	Chuyên viên		
42	6.2	Phí Tuấn Ngọc	31/10/1986		Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên		
43	6.3	Đậu Minh Quyền		19/10/1982	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chuyên viên		
44	6.4	Vũ Thị Huyền Trang		08/10/1986	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên		
45	6.5	Nguyễn Trung Thành	05/04/1981		Tiến sỹ	Chứng chỉ	Chuyên viên		
46	6.6	Đặng Thị Hải Yến		03/03/1988	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chuyên viên		X
b)		Vị trí: Quản lý tài chính - tài sản							
47	6.7	Đào Thị Duyên		11/10/1992	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chuyên viên		
48	6.8	Mai Việt Hùng	20/03/1989		Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chuyên viên		
49	6.9	Phạm Thị Thanh Huyền		02/02/1990	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên		
50	6.10	Vũ Thị Hương		24/02/1983	Đại học	Trung cấp	Chuyên viên		X
51	6.11	Đỗ Thị Lam		24/08/1995	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên		
52	6.12	Nguyễn Văn Lâm	23/02/1991		Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên		
53	6.13	Trương Thị Lê Ngân		02/01/1996	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên		
54	6.14	Vũ Quỳnh Phương		19/10/1992	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chuyên viên		
55	6.15	Nguyễn Thị Thu		09/01/1986	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chuyên viên		
56	6.16	Phạm Thị Vân Trang		26/03/1994	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên		
7		THANH TRA:							
a)		Vị trí: Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo							
57	7.1	Nguyễn Thị Thanh Hằng		25/06/1996	Đại học	Chứng chỉ	Thanh tra viên		
58	7.2	Nghiêm Xuân Hùng	26/12/1978		Đại học	Chứng chỉ	Thanh tra viên		
59	7.3	Nguyễn Minh Ngọc	28/09/1977		Đại học	Chứng chỉ	Thanh tra viên		
60	7.4	Chí Thị Nhung		06/11/1992	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Thanh tra viên		
61	7.5	An Vũ Tùng Lâm	01/01/1995		Đại học	Chứng chỉ	Thanh tra viên		Con thương binh
62	7.6	Lê Thị Hương Ly		15/11/1993	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Thanh tra viên		

TT	TT theo ĐV	Họ và tên		Ngày sinh		Trình độ			Ngạch công chức dự tuyển	Ưu tiên	Miễn thi	
				Nam	Nữ	Chuyên môn	Tin học	Tiếng Anh			Tin học	Tiếng Anh
	b)	Vị trí: Kế toán										
63	7.7	Nguyễn Thị Linh Chi		10/10/1983	Đại học	Chứng chỉ	Đại học	Chuyên viên/ Kế toán viên				X
64	7.8	Trần Thu Hằng		07/10/1991	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên/ Kế toán viên				
65	7.9	Cao Thị Bích Hồng		01/11/1988	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên/ Kế toán viên				
66	7.10	Phạm Xuân Quý	07/12/1988		Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên/ Kế toán viên	Con thương binh			
67	7.11	Bùi Thị Kim Thúy		05/07/1980	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên/ Kế toán viên				
	8	CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG: Vị trí Quản lý thi và đánh giá chất lượng giáo dục										
68	8.1	Nguyễn Thị Hạnh		16/07/1991	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên				
69	8.2	Trịnh Tiên Hòa	06/04/1987		Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên				
70	8.3	Phạm Thị Nga		04/10/1984	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Đại học	Chuyên viên				X
	9	CỤC NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC:										
	a)	Vị trí: Quản lý chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục (phòng, sở)										
71	9.1	Nguyễn Thị Dự		10/10/1978	Đại học	Chứng chỉ	Đại học	Chuyên viên				X
72	9.2	Trần Thu Hà		03/10/1994	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên				
73	9.3	Trần Thị Thu Hương		18/10/1985	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Thạc sỹ	Chuyên viên				X
74	9.4	Vũ Ngọc Tân	15/10/1980		Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên				
75	9.5	Đinh Thu Trang		20/12/1985	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên				
76	9.6	Bùi Hoàng Yến		11/11/1984	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên				
	b)	Vị trí: Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (ngành học mầm non)										
77	9.7	Nguyễn Thị Ngọc Huệ		28/08/1979	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên				
78	9.8	Đinh Thị Hồng Kiên		21/01/1980	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên				
79	9.9	Dương Thị Nga		10/11/1987	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên	Con thương binh			
80	9.10	Nguyễn Thị Xinh		16/06/1981	Đại học	Chứng chỉ	Đại học	Chuyên viên	Con thương binh			X

TT	TT theo ĐV	Họ và tên	Ngày sinh		Trình độ			Ngạch công chức dự tuyển	Ưu tiên	Miễn thi	
			Nam	Nữ	Chuyên môn	Tin học	Tiếng Anh			Tin học	Tiếng Anh
	c)	Vị trí: Văn thư, lưu trữ									
81	9.11	Trịnh Ngọc Anh		18/01/1984	Đại học	Đại học	Chứng chỉ	Cán sự			X
	10	CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN:									
	a)	Vị trí: Hành chính - Tổng hợp									
82	10.1	Đào Thị Việt Hạnh		14/10/1988	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên	Con thương binh		
83	10.2	Nguyễn Thu Hằng		10/06/1986	Đại học	Chứng chỉ	Đại học	Chuyên viên			X
84	10.3	Phạm Quang Huy	23/10/1991		Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên			
	b)	Vị trí: Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục									
85	10.4	Dương Mạnh Hà	27/11/1977		Thạc sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Chuyên viên		X	X
86	10.5	Trần Trung Dũng	11/11/1990		Đại học	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên		X	
87	10.6	Nguyễn Thị Thu Hiền		18/11/1980	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên			
	11	VĂN PHÒNG:									
	a)	Vị trí: Thông kê ngành giáo dục									
88	11.1	Tô Thị Vân Anh		10/02/1991	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên			
89	11.2	Lê Bích Hạnh		21/07/1977	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên			
90	11.3	Nguyễn Thị Tuyết Lan		13/11/1987	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên			
	b)	Vị trí: Hành chính - Văn thư (vị trí Văn thư theo Quyết định số 2698/QĐ-BNV ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)									
91	11.4	Chu Việt Hưng	21/08/1986		Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Cán sự			
92	11.5	Phí Thị Huyền Trang		20/03/1990	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Cán sự			
	12	VỤ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG: Vị trí Hành chính - Văn thư									
93	12.1	Nguyễn Ngọc Anh	10/10/1994		Đại học	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên		X	
94	12.2	Vũ Minh Đức	19/12/1991		Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên			
95	12.3	Nguyễn Thị Hồng Nhung		16/06/1991	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên			
96	12.4	Đỗ Thị Hương		07/11/1991	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên			

TT	TT theo ĐV	Họ và tên		Ngày sinh		Trình độ			Ngạch công chức dự tuyển	Ưu tiên	Miễn thi	
				Nam	Nữ	Chuyên môn	Tin học	Tiếng Anh			Tin học	Tiếng Anh
	13	CỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT: Vị trí Cơ chế chính sách phát triển cơ sở vật chất và thiết bị trường học										
	a)	Mô tả: Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn về cơ sở vật chất, thiết bị trường học; kiểm tra, đánh giá các cơ sở giáo dục, các cơ sở đào tạo thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn về cơ sở vật chất và thiết bị trường học										
97	13.1	Nguyễn Thị Thu Hảo		06/07/1986	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên	Chuyên viên	Dân tộc Tày		
98	13.2	Phạm Ngân Khánh		10/05/1996	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên	Chuyên viên			
99	13.3	Phan Thị Lâm		24/09/1976	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên	Chuyên viên			
100	13.4	Lê Thị Quỳnh Nga		05/08/1982	Thạc sỹ	Đại học	Chứng chỉ	Chuyên viên	Chuyên viên		X	
101	13.5	Phùng Thị Hương Nhài		31/07/1980	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên	Chuyên viên			
102	13.6	Tạ Văn Sao	14/09/1977		Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên	Chuyên viên	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự		
	b)	Mô tả: Xây dựng, hướng dẫn thực hiện cơ chế chính sách thu hút đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thiết bị trường học										
103	13.7	Hà Thị Ánh		14/06/1996	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên	Chuyên viên			
104	13.8	Nguyễn Thành Đạt	28/05/1985		Thạc sỹ	Chứng chỉ	Học ở nước ngoài	Chuyên viên	Chuyên viên			X
105	13.9	Trương Hương Giang		25/09/1993	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên	Chuyên viên	Dân tộc Nùng		
106	13.10	Vũ Đình Phương	26/05/1988		Thạc sỹ	Chứng chỉ	Học bằng tiếng Anh	Chuyên viên	Chuyên viên	Con thương binh		X
107	13.11	Vũ Thị Hà Phương		14/08/1988	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên	Chuyên viên			
108	13.12	Hà Trung Sơn	05/06/1991		Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên	Chuyên viên			
109	13.13	Diệp Thị Thu Thùy		11/10/1995	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên	Chuyên viên	Dân tộc Sán Dìu		
110	13.14	Trần Trí Tùng	02/03/1993		Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên	Chuyên viên			
111	13.15	Lại Thị Thảo Vân		24/04/1995	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên viên	Chuyên viên			

(Danh sách này có 06 trang, 111 người)

BỘ GIÁO DỤC VÀO ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TUYỂN CÔNG CHỨC VỀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ban hành kèm theo Thông báo số **37** /TB-HĐT ngày **25** /02/2019 của Hội đồng thi tuyển công chức Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	TT theo ĐV	Họ và tên	Ngày sinh		Trình độ			Lý do
			Nam	Nữ	Chuyên môn	Tin học	Tiếng Anh	
	1	VỤ GIÁO DỤC THỂ CHẤT: Vị trí: Quản lý công tác giáo dục thể chất						
1	1.1	Hà Thị Thùy Linh		04/07/1989	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chuyên môn đào tạo không phù hợp với vị trí dự tuyển
2	1.2	Vũ Thị Minh Phương		05/09/1982	Thạc sỹ	Chứng chỉ	Đại học	Chuyên môn đào tạo không phù hợp với vị trí dự tuyển
	2	VỤ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG: Vị trí Hành chính - Văn thư						
3	2.1	Vũ Minh Trang		07/05/1994	Đại học	Không	Chứng chỉ	Không có chứng chỉ tin học
4	2.2	Phạm Thị Thùy		16/06/1987	Đại học	Không	Đại học	Không có chứng chỉ tin học

(Danh sách này có 01 trang, 04 người)

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2019

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP THI CÔNG CHỨC

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 137 /TB-HĐT ngày 25 /02/2019
của Hội đồng thi tuyển công chức Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I- Đối với môn Kiến thức chung:

1. Văn bản về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy:

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (các điều liên quan đến hệ thống chính trị, ngành giáo dục).
- Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13;
- Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.
- Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Văn bản về công chức, công vụ, quản lý nhà nước:

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13; Luật cán bộ, công chức số 22/2008/QH12.
- Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.
- Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức.
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.
- Tài liệu bồi dưỡng ngạch chuyên viên ban hành kèm theo Quyết định số 900/QĐ-BNV ngày 06/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (lưu ý cập nhật các quy định mới); Chương trình bồi dưỡng ngạch cán sự ban hành kèm theo Quyết định số 569/QĐ-BNV ngày 22/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (lưu ý cập nhật các quy định mới).
- Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

3. Văn bản về ngành giáo dục và đào tạo:

- Luật Giáo dục số 35/2005/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục số 44/2009/QH12; Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 29-NQ/TW);

- Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 44/NQ-CP);

- Quyết định số 2077/QĐ-BGDĐT ngày 19/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây viết tắt là Quyết định số 2077/QĐ-BGDĐT);

- Chỉ thị số 2919/CT-BGDĐT ngày 10/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2018 - 2019 của ngành Giáo dục (sau đây viết tắt là Chỉ thị số 2919/CT-BGDĐT).

II- Đối với môn Ngoại ngữ (thi viết tiếng Anh):

Trình độ tương đương bậc 2 tiếng Anh (đối với vị trí ngạch công chức chuyên viên) hoặc bậc 1 tiếng Anh (đối với vị trí ngạch công chức cán sự hoặc nhân viên) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III- Đối với môn tin học (thi thực hành trên máy):

Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

IV- Đối với môn nghiệp vụ chuyên ngành:

Ngoài các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng thi tuyển công chức Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định nội dung tài liệu ôn tập thi công chức cho từng vị trí dự tuyển như sau:

4.1. Vị trí: Đảm bảo chất lượng giáo dục trung học - Vụ Giáo dục Trung học:

- Luật Giáo dục.

- Nghị quyết 88/2014/QH/13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới Chương trình, Sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Nghị quyết 29-NQ/TW.

- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

- Quyết định 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (sau đây viết tắt là Quyết định 404/QĐ-TTg).

- Thông tư số 13/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tự thực.

- Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

- Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông.

- Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Thông tư 11/2014/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo hàng năm liên quan đến giáo dục phổ thông nói chung, giáo dục trung học nói riêng.

4.2. Vị trí: Giáo dục chính trị, tư tưởng - Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên:

- Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 30/5/1998 của Bộ Chính trị (Khoá VIII) về "Tăng cường công tác chính trị tư tưởng; củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong trường học".

- Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (theo Kế hoạch số 178/KH-BGDĐT ngày 16/03/2017 của Bộ GDĐT).

- Nội dung về Cuộc thi trực tuyến “Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

- Quyết định số 3296/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Đề án “Tăng cường quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với học sinh, sinh viên trên môi trường mạng đến năm 2025”.

- Quyết định số 2077/QĐ-BGDĐT (phần nội dung liên quan đến Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên).

- Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Công văn số 512/BGDĐT-GDĐH ngày 02/02/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giảng dạy các môn Lý luận chính trị.

4.3. Vị trí: Quản lý công tác giáo dục thể chất - Vụ Giáo dục thể chất:

- Nghị quyết số 29-NQ/TW.

- Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Chính phủ quy định về giáo dục thể chất và thể thao trường học.

- Nghị định số 127/2018/NĐ-CP.

- Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.

- Quyết định số 2077/QĐ-BGDĐT.

- Chỉ thị số 2919/CT-BGDĐT.

- Quyết định số 53/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định đánh giá xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.

- Quyết định số 14/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 03/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế giáo dục thể chất và y tế trường học.

4.4. Vị trí: Quản lý công tác y tế trường học - Vụ Giáo dục thể chất:

- Nghị quyết số 29-NQ/TW.

- Quyết định số 2077/QĐ-BGDĐT.

- Nghị định số 127/2018/NĐ-CP.

- Chỉ thị số 23/2006/CT-TTg ngày 12/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác y tế trong các trường học.

- Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của liên Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trong trường học.

4.5. Vị trí: Pháp chế ngành giáo dục - Vụ Pháp chế:

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.
- Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ quy định về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
- Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.
- Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/05/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.
- Thông tư số 01/2015/TT-BTP ngày 15/01/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về nghiệp vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức pháp chế.
- Thông tư số 01/2011/TT-BNV.

4.6. Vị trí: Xây dựng pháp luật trong lĩnh vực giáo dục - Vụ Pháp chế:

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.
- Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01/10/2016 của Chính phủ Ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ.
- Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.
- Thông tư số 01/2015/TT-BTP.
- Thông tư số 01/2011/TT-BNV.

4.7. Vị trí: Kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật - Vụ Pháp chế:

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.
- Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.
- Thông tư số 01/2015/TT-BTP.
- Thông tư số 01/2011/TT-BNV.

4.8. Vị trí: Quản lý công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, đánh giá nhân sự - Vụ Tổ chức cán bộ:

- Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Luật Giáo dục; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục; Luật Giáo dục Đại học; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học.
- Nghị định số 69/2017/NĐ-CP;
- Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức và Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP;

Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29/10/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP.

- Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức và Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25/6/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP.

- Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 09/6/2016 của Chính phủ quy định về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2016/NĐ-CP.

- Nghị định số 24/2010/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn có liên quan; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các Thông tư hướng dẫn có liên quan; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP (nội dung về tuyển dụng và thực hiện chế độ hợp đồng lao động).

- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và các Thông tư hướng dẫn có liên quan.

- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Trường Đại học (phần nội dung về tổ chức và quản lý trường đại học); Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.

- Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành.

- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

- Quyết định số 2077/QĐ-BGDĐT.

- Các quy định của Đảng về công tác cán bộ: Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19/12/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Quyết định 89-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

4.9. Vị trí: Hành chính - Văn thư - Vụ Thi đua - Khen thưởng:

- Luật Thi đua - Khen thưởng.

- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng.

- Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ và Thông tư số 22/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục.

- Quyết định số 155/QĐ-BGDĐT ngày 10/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản tại cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây viết tắt là Quyết định số 155/QĐ-BGDĐT).

- Quyết định số 2125/QĐ-BGDĐT ngày 05/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây viết tắt là Quyết định số 2125/QĐ-BGDĐT).

- Quyết định số 4308/QĐ-BGDĐT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài liệu bí mật nhà nước tại cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây viết tắt là Quyết định số 4308/QĐ-BGDĐT).

- Quyết định số 1224/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy trình quản lý văn bản trên môi trường mạng (sau đây viết tắt là Quyết định số 1224/QĐ-BGDĐT).

- Hướng dẫn số 822/HD-VTLTNN ngày 26/8/2015 của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước hướng dẫn quản lý văn bản đi, đến và lập hồ sơ trong môi trường mạng (sau đây viết tắt là Hướng dẫn số 822/HD-VTLTNN).

10. Vị trí: Xây dựng, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo - Vụ Kế hoạch - Tài chính:

- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13.

- Luật Giáo dục; Luật Giáo dục đại học; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13.

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW.

- Nghị quyết số 44/NQ-CP.

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 01/NQ-CP).

- Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020.

- Chỉ thị số 2919/CT-BGDĐT.
- Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg ngày 26/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020.

4.11. Vị trí Quản lý tài chính, tài sản - Vụ Kế hoạch - Tài chính:

- Luật Ngân sách nhà nước.
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14.
- Luật Giáo dục; Luật Giáo dục đại học; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.
- Luật Phí và lệ phí.
- Nghị quyết số 29-NQ/TW.
- Nghị quyết số 44/NQ-CP.
- Nghị quyết số 01/NQ-CP.

4.12. Vị trí: Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo - Thanh tra:

- Luật tiếp công dân năm 2013.
- Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân.
- Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.
- Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.
- Luật khiếu nại năm 2011.
- Luật tố cáo năm 2011.
- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khiếu nại.
- Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo.
- Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.
- Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.
- Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP.
- Thông tư số 40/2013/TT-BGDĐT ngày 18/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định số 1278/QĐ-BGDĐT ngày 17/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Lưu ý: Ngoài các nội dung nêu trên, ứng viên dự tuyển cần nghiên cứu các quy định pháp luật về công chức, viên chức, thanh tra, phòng chống tham nhũng.

4.13. Vị trí: Kế toán - Thanh tra:

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.

- Nghị định số 74/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán.

- Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt.

- Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 về việc ban hành và công bố bốn (04) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1); Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 về việc ban hành và công bố sáu (06) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2) và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 về việc ban hành và công bố sáu (06) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3) của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

- Thông tư số 96/2010/TT-BTC ngày 05/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn phục hồi, xử lý tài liệu kế toán bị mất hoặc bị huỷ hoại do các nguyên nhân khách quan.

- Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- Thông tư số 09/2010/TT-BNV ngày 11/9/2010 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

4.14. Vị trí: Quản lý thi và đánh giá chất lượng giáo dục - Cục Quản lý chất lượng:

- Nghị quyết số 29-NQ/TW.
- Nghị quyết số 44/NQ-CP.
- Nghị định số 69/2017/NĐ-CP.
- Quyết định số 2077/QĐ-BGDĐT.
- Quyết định số 4644/QĐ-BGDĐT ngày 03/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các phòng thuộc Cục Quản lý chất lượng;
- Chỉ thị số 2919/CT-BGDĐT.
- Các quy chế thi THPT quốc gia, thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, đánh giá năng lực ngoại ngữ hiện hành: Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-BGDĐT ngày 25/8/2014 hợp nhất Thông tư ban hành quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29/9/2017 ban hành Quy chế đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Kinh nghiệm xây dựng quy trình thi chuẩn hóa của các tổ chức khảo thí quốc tế và hoạt động đánh giá Pisa.

4.15. Vị trí: Quản lý chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục (phòng, sở) - Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục:

- Các bộ Luật: Luật cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Luật Giáo dục; Luật lao động; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật Thi đua - Khen thưởng.
- Nghị quyết số 29-NQ/TW.
- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.
- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 27-NQ/TW).
- Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-TW (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 107/NQ-CP).
- Nghị quyết số 88/2014/QH13.
- Nghị quyết số 44/NQ-CP.

- Nghị định số 127/2018/NĐ-CP.
- Nghị định số 24/2010/NĐ-CP.
- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP.
- Nghị định 161/2018/NĐ-CP.
- Nghị định số 56/2015/NĐ-CP.
- Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.
- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.
- Quyết định số 404/QĐ-TTg.
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT.
- Chỉ thị nhiệm vụ năm học 2017-2018; năm học 2018-2019.

4.16. Vị trí: Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (ngành học mầm non) - Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục:

- Các bộ Luật: Luật Viên chức; Luật Giáo dục; Luật lao động; Luật Thi đua - Khen thưởng.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW.
- Nghị quyết số 27/NQ-TW.
- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.
- Nghị quyết số 107/NQ-CP.
- Nghị định số 56/2015/NĐ-CP.

- Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chế độ làm việc của giáo viên mầm non.

- Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

- Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- Thông tư số 26/2012/TT-BGDĐT ngày 10/7/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông.

4.17. Vị trí: Văn thư, lưu trữ - Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục:

- Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13.
- Pháp lệnh số 30/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bảo vệ bí mật Nhà nước.

- Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước; Thông tư số 33/2015/TT-BCA ngày 20/07/2015 của Bộ Công an Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 33/2002/NĐ-CP.

- Nghị định 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư; Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 110/2004/NĐ-CP.

- Nghị định số 99/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng con dấu.

- Hướng dẫn số 822/HD-VTLTNN.

- Thông tư số 01/2011/TT-BNV.

- Quyết định số 155/QĐ-BGDĐT.

- Quyết định số 2125/QĐ-BGDĐT.

- Quyết định số 4308/QĐ-BGDĐT.

- Quyết định số 1224/QĐ-BGDĐT.

4.18. Vị trí: Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục - Cục Công nghệ thông tin:

- Luật công nghệ thông tin 2006.

- Luật An toàn thông tin mạng.

- Luật An ninh mạng.

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước.

- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2018 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước.

- Thông tư 53/2012/TT-BGDĐT ngày 20/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và công nghệ thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tổ chức đào tạo qua mạng.

- Thông tư 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục.

- Thông tư 15/2018/TT-BGDĐT ngày 27/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục đại học, các trường cao đẳng sư phạm.

- Công văn số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam 1.0.

- Quyết định số 2077/QĐ-BGDĐT (phần liên quan đến Cục Công nghệ thông tin).

- Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025".

- Quyết định số 6200/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kế hoạch số 345/KH-BGDĐT ngày 23/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025".

- Công văn số 4095/BGDĐT-CNTT ngày 10/9/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin năm học 2018 - 2019;

- Công văn số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông;

- Chỉ thị năm học 2019-2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (phần ứng dụng công nghệ thông tin)

- Các chương trình hợp tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo với các cơ quan tổ chức về công nghệ thông tin.

- Các tài liệu liên quan khác.

4.19. Vị trí: Hành chính - Tổng hợp - Cục Công nghệ thông tin:

- Luật Công nghệ thông tin 2006.

- Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013.

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP.
 - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.
 - Nghị định số 74/2016/NĐ-CP.
 - Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.
 - Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/04/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt "Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước".
 - Quyết định số 960/QĐ-TTg ngày 06/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Thông tư số 01/2011/TT-BNV.
 - Quyết định số 2077/QĐ-BGDĐT (phần liên quan đến Cục Công nghệ thông tin).
 - Quyết định số 1224/QĐ-BGDĐT.
 - Quyết định số 4388/QĐ-BGDĐT ngày 16/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế làm việc của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Quyết định số 4900/QĐ-BGDĐT ngày 20/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giải pháp công nghệ thông tin giáo dục thuộc Cục Công nghệ thông tin.
- 4.20. Vị trí: Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn về cơ sở vật chất, thiết bị trường học; kiểm tra, đánh giá các sở giáo dục, các cơ sở đào tạo thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn về cơ sở vật chất và thiết bị trường học; Xây dựng, hướng dẫn thực hiện cơ chế chính sách thu hút đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thiết bị trường học - Cục Cơ sở vật chất:**
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
 - Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014.
 - Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013.
 - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.
 - Luật Giáo dục; Luật Giáo dục Đại học.
 - Các văn bản hướng dẫn thi hành các luật nêu trên bao gồm các Nghị định, Thông tư, Quyết định..., có liên quan đến cơ sở vật chất, thiết bị trường học của Chính phủ và các Bộ, ngành.
 - Nghị quyết số 29-NQ/TW.
 - Nghị quyết số 88/2014/QH13.

- Quyết định số 404/QĐ-TTg;
- Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025.
- Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/12/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non.
- Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16/7/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học.
- Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở.
- Thông tư số 01/2010/TT-BGDĐT ngày 8/01/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông.
- Quyết định số 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về phòng học bộ môn với cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông và phổ thông có nhiều cấp học.
- Các văn bản chỉ đạo, điều hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo hàng năm có liên quan đến cơ sở vật chất, thiết bị trường học.

4.21. Vị trí: Thống kê ngành giáo dục - Văn phòng Bộ GDĐT:

- Luật thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23/11/2015.
- Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thống kê.
- Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ.
- Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục.

4.22. Vị trí: Hành chính - văn thư - Văn phòng Bộ GDĐT:

- Nghị định 110/2004/NĐ-CP; Nghị định số 09/2010/NĐ-CP.
- Thông tư số 01/2011/TT-BNV.
- Quyết định số 155/QĐ-BGDĐT.
- Quyết định số 2125/QĐ-BGDĐT.
- Quyết định số 1224/QĐ-BGDĐT.
- Hướng dẫn số 822/HD-VTLTNN.